TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY N

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 30/2020/DS-PT
Ngày: 03-3-2020
V/v Tranh chấp Quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY N

T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Vân**.**

Các thẩm phán:

Bà Nguyễn Thanh Minh Châu;

Bà Trương Thị Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây N xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 411/2019/TLPT-DS ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc "*Tranh chấp Quyền sử dụng đất*" .

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2019/ DS-ST ngày 09/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hòa T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐXXPT- DS ngày 10 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Trần Văn H, sinh năm 1968.

Nơi cư trú: Số 354, Tôn Đức Thắng, ấp Long C, xã Long T T, huyện Hòa T, tỉnh Tây N; vắng mặt.

Bà Đào Thị T, sinh năm 1962.

Nơi cư trú: Số 354, Tôn Đức Thắng, ấp Long C, xã Long T T, huyện Hòa T, tỉnh Tây N; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Văn H, bà Đào Thị T: Anh Vương Sơn H, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Số 72, khu phố N T, phường N Sơn, T phố Tây N, tỉnh Tây N.

2. *Bị đơn*: Bà Đặng Thị X, sinh năm 1965.

Nơi cư trú: Số 356A, Tôn Đức Thắng, ấp Long C, xã Long T T, huyện Hòa T, tỉnh Tây N; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Đặng Thị X: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Ấp 3, xã Phước V, huyện Châu T, tỉnh Tây N.

3. Người kháng cáo: Ông Trần Văn H là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/8/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông Trần Văn H, bà Đào Thị T, người đại diện hợp pháp của ông H, bà T là anh Vương Sơn H thống nhất trình bày:

Vợ chồng ông H, bà T có 01 phần đất diện tích 482,2m^2 tọa lạc ấp Long C, xã Long T T, huyện Hòa T, tỉnh Tây N. Ông H, bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: H03550/08 ngày 20/11/2008. Tại biên bản hòa giải ngày 18/10/2008 giữa ông H, bà T với bà X ký kết nội dung thể hiện "ranh đất của ông H lấy thẳng từ lộ 4m lên đường Tôn Đức Thắng, phần phía trước ranh đất giữa hộ ông H và bà X, lấy lại vách tường nhà bà X làm lấn chiếm (vị trí tại ô quăng phía nhà ông H) có sơ đồ kèm theo. Phần từ ô quăng nhà ông H ra lộ Tôn Đức Thắng, nhà bà X có xây lấn qua ranh nhà ông H, ông H cùng gia đình bà X thỏa thuận, sau này nếu bà X và gia đình ông H có sửa chữa, chuyển nhượng hoặc xây cất mới pH lấy ranh lại cho thẳng ranh đất ông H" phần đất lấn chiếm sau khi đo đạc có diện tích là 2,0m^2. Nay ông H, bà T có nhu cầu sửa chữa nhà nên chỉ yêu cầu bà X trả lại vách tường nhà và phần đất lấn chiếm diện tích 2,0m^2 tọa lạc ấp Long C, xã Long T T, huyện Hòa T, tỉnh Tây N. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Đặng Thị X là anh Nguyễn Văn T trình bày:

Nguồn gốc phần đất bà X đang sử dụng là do bà Lê Thị C (mẹ bà X) cho, bà X được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: H01556/08 ngày 08/9/2006 diện tích là 240m^2 tọa lạc ấp Long C, xã Long T T, huyện Hòa T, tỉnh Tây N. Biên bản hòa giải ngày 18/10/2008 bà X có ký tên mục đích để ông H vay tiền ngân hàng. Ngoài ra theo kết quả đo đạc thì diện tích đất của bà X bị thiếu, diện tích đất ông H, bà T tăng nên bà X không đồng ý yêu cầu của ông H, bà T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2019/ DS-ST ngày 09/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hòa T tuyên xử:

Áp dụng Điều 166, Điều 168, Điều 175, Điều 176 Bộ Luật Dân sự; Điều 166, Điều 202, Điều 203 Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H, bà Đào Thị T đối với bà Đặng Thị X về việc tranh chấp phần đất diện tích 2,0m^2 tọa lạc ấp Long C, xã Long T T, huyện Hòa T, tỉnh Tây N.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng; quyền và nghĩa vụ Thi hành án, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 12-10-2019 ông Trần Văn H có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông. Buộc bà Đặng Thị X trả cho ông 2,0m^2 (0,44m x 8,66m).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây N tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, thẩm phán và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn H.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 42/2019/DS-ST ngày 09/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hòa T, tỉnh Tây N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, ý kiến của đương sự , Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Ông Trần Văn H, bà Đào Thị T vắng mặt. Người đại diện ủy quyền của ông H, bà T anh Vương Sơn H có mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của ông Trần Văn H thấy rằng:

Ngày 07-7-1990 ông H, bà T có nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị Huệ, bà Huệ nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị C, diện tích ngang 10,5m x 50m (mua bán bằng giấy tay), đất tọa lạc tại ấp Long C, xã Long T T, huyện Hòa T, tỉnh Tây N. Đến năm 1993 ông H kê khai đăng ký, được ủy ban nhân dân huyện Hòa T cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất diện tích 412m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 02237 QSDĐ/D12 ngày 11-9-1993.

Ngày 20-11-2008 ông H, bà T được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H03550/08 ngày 20-11- 2008 với diện tích là 482,2m^2.

[3] Nguồn gốc phần đất của bà X là do bà Lê Thị C (mẹ bà X) cho bà X được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H01556/08 ngày 08-9-2006 diện tích là 240m^2.

[3.1] Ông H, bà T cho rằng bà X lấn đất của ông, bà có diện tích là 2,0m^2. Theo kết quả đo đạc thực tế ngày 09-4-2019 diện tích đất ông H, bà T có diện tích 493,4m^2 tăng so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông H, bà T được cấp là 13,0m^2. Đất bà X được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H01556/08 ngày 08-9-2006 diện tích là 240 m^2 đo đạc diện tích bà X còn 231,7m^2 giảm so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà X được cấp là 8,3 m^2. Diện tích nằm ngoài ranh bản đồ địa Cnh của ông H, bà T sử dụng giáp ranh bà X là 13,0m^2.

[3.2] Biên bản hòa giải ngày 18-10-2008 giữa ông H, bà T với bà X ký có nội dung thể hiện "ranh đất của ông H lấy thẳng từ lộ 4m lên đường Tôn Đức Thắng, phần phía trước ranh đất giữa hộ ông H và bà X, lấy lại vách tường nhà bà X lấn chiếm (vị trí tại ô quăng phía nhà ông H)". Tuy nhiên sơ đồ kèm theo phía dưới chữ ký tên của bà X, ông H, bà T nhưng không thể hiện số liệu cụ thể. Hơn nữa đến ngày 14-11-2008 thì ông H mới có đơn xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nội dung đơn xin diện tích 482,2m^2 (bút lục 84). Trong hồ sơ xin cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H; có đơn xin xác nhận của ông H phần diện tích cấp đổi có diện tích 482,2m^2 có tứ cận số liệu cụ thể mỗi cạnh của thửa đất ông H xin cấp. Ngày 20-11-2008 Ủy ban nhân dân huyện Hòa T mới cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H 482,2m^2 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có sơ đồ bản vẽ của thửa đất 287 ông H được cấp nhưng ông H cũng không có ý kiến gì (bút lục 107).

[4] Ông H kháng cáo yêu cầu bà X trả phần đất lấn sang đất ông H, bà T diện tích 2,0m^2 nhưng ông không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông H.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông H, chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây N, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 42/2019/DS- ST ngày 09-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện Hòa T, tỉnh Tây N.

[5]Án phí phúc thẩm: Ông Trần Văn H kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên ông H pH chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm theo Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn H .

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 42/2019/DS- ST ngày 09-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện Hòa T, tỉnh Tây N.

Căn cứ Điều 166, Điều 168, Điều 175, Điều 176 Bộ Luật Dân sự; Điều 166, Điều 202, Điều 203 Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H, bà Đào Thị T đối với bà Đặng Thị X về " Tranh chấp quyền sử dụng đất" đối với phần đất diện tích 2,0m^2 tọa lạc ấp Long C, xã Long T T, huyện Hòa T, tỉnh Tây N.

2. Về chi phí đo đạc, định giá: Trần Văn H, bà Đào Thị T pH chịu 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Ghi nhận ông H, bà T đã nộp và chi phí xong.

3. Về án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn H, bà Đào Thị T pH chịu 1.316.000 đồng (một triệu ba trăm mười sáu nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông H, bà T đã nộp 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012420 ngày 22/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa T, tỉnh Tây N. Ông H, bà T còn pH nộp 66.000 đồng (sáu mươi sáu nghìn đồng).

3.2 Án phí phúc thẩm: Ông Trần Văn H pH chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008109 ngày 22-10- 2019 của chi cục thi hành án huyện Hòa T, tỉnh Tây N. Ghi nhận đã nộp xong.

4.Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây N;
- TAND thị xã Hòa T;
- Chi cục THADS thị xã Hòa T;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hồng Vân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**